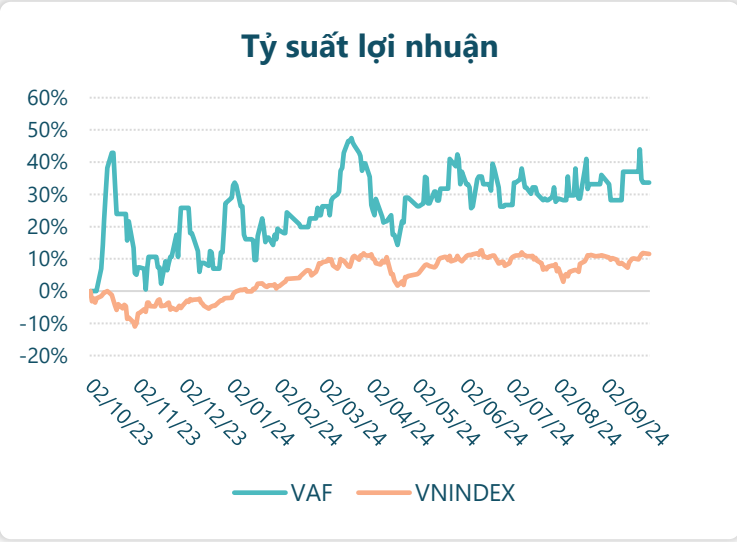


Ngày	13,550 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	5.4%	5.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,141 - 14,954
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	510
Số lượng CPLH (CP)	37,665,348
KLGD BQ 20 phiên (CP)	850
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.35
EPS	1,794
P/E	7.6



Doanh thu thuần
Q3/24

238

tỷ VNĐ

QoQ: ▼90.0 | -27.4%

YoY: ▲76.0 | 47.0%

Nợ/VCSH
Q3/24

36.6%

YoY: +/-▼0.9%

LN gộp
Q3/24

49.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.9 | -25.7%

YoY: ▲29.1 | 146%

ROE (TTM)
Q3/24

13.9%

YoY: +/-▲1.5%

LN trước thuế
Q3/24

16.4

tỷ VNĐ

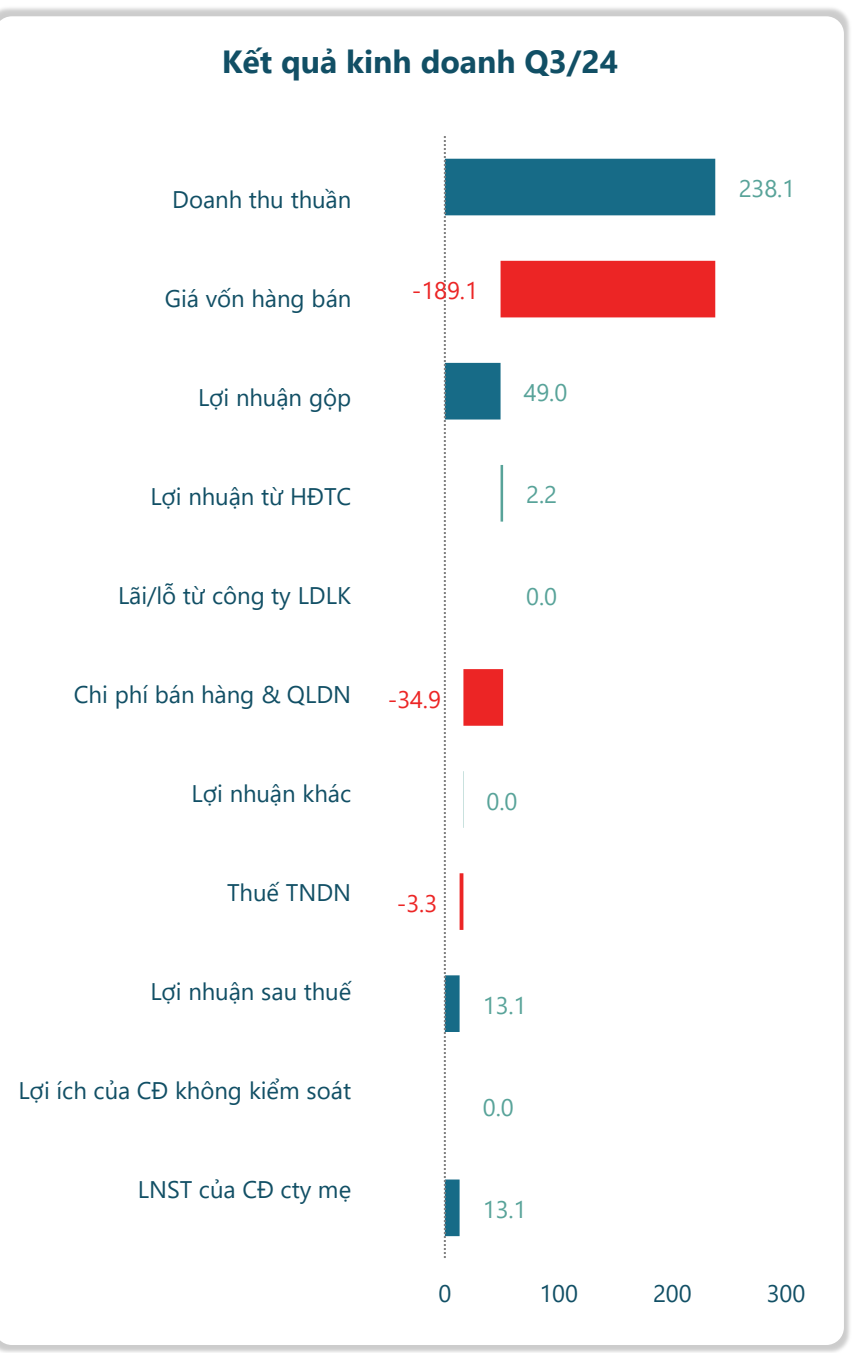
QoQ: ▲3.70 | 28.8%

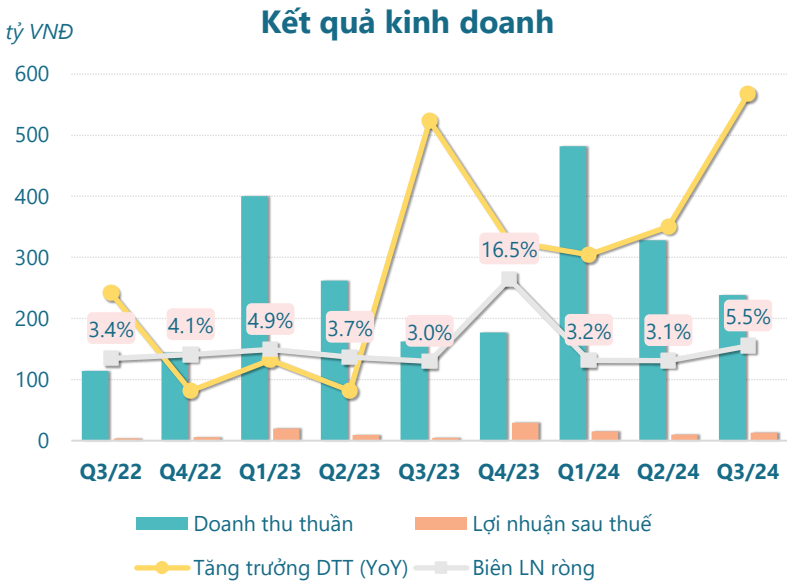
YoY: ▲10.4 | 170%

ROA (TTM)
Q3/24

10.3%

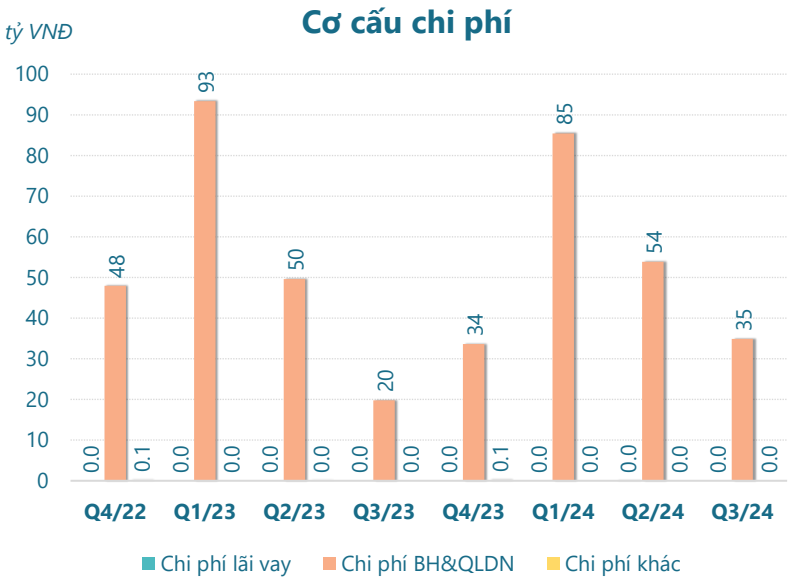
YoY: +/-▲1.4%





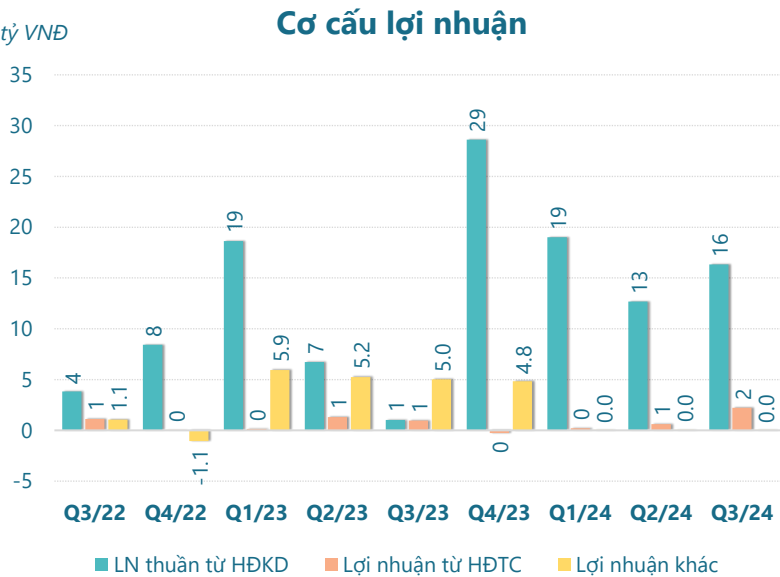
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 16.34 tỷ đồng**, tăng thêm 29.0% so với kỳ trước và cao hơn 1502% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.22 tỷ đồng**, tăng thêm 258% so với kỳ trước và cao hơn 129% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.01 tỷ đồng**, giảm đi 50.0% so với kỳ trước và thấp hơn 99.8% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VAF** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **238.1 tỷ đồng** tăng thêm **46.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 13.08 tỷ đồng**, **tăng trưởng 170%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,048 tỷ đồng** cao hơn 27.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 38.00 tỷ đồng** cao hơn 11.8% so với cùng kỳ năm trước.



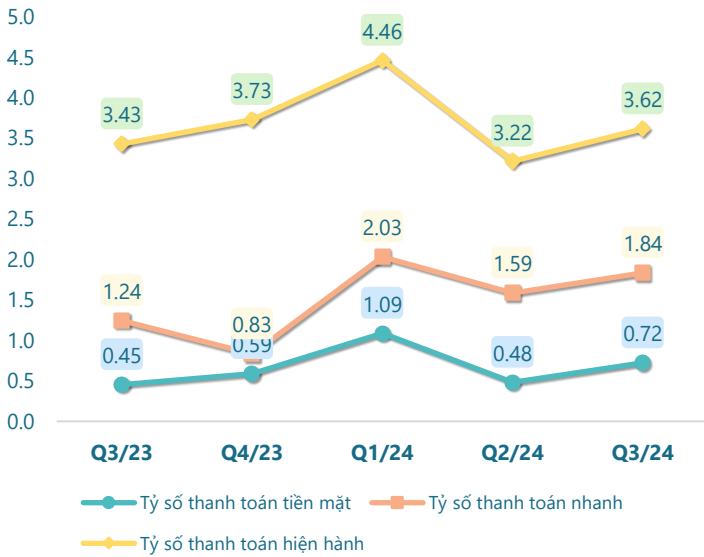
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **34.87 tỷ đồng** giảm đi 35.2% so với kỳ trước và cao hơn 75.9% so với cùng kỳ năm trước.

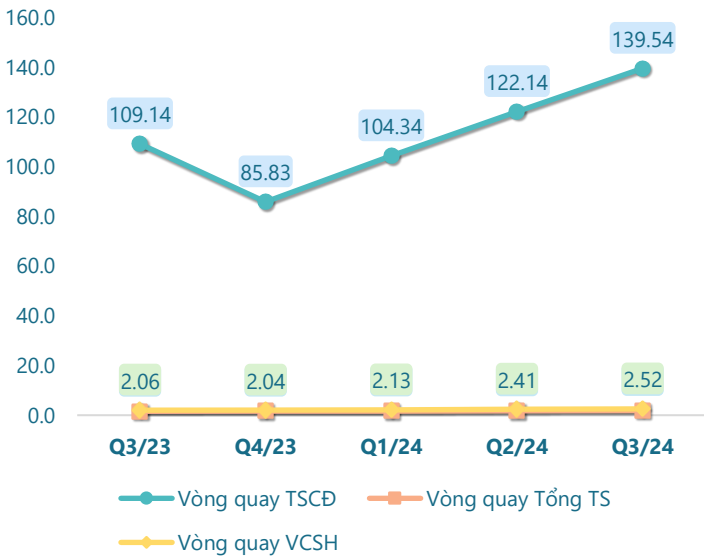
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	238	328	-27.4%	162	47.0%	1,048	825	27.1%
Giá vốn hàng bán	189	262	-27.8%	142	33.2%	829	638	29.9%
Lợi nhuận gộp	49.0	65.9	-25.7%	19.9	146%	219	187	17.3%
Doanh thu HĐTC	2.54	1.42	78.9%	1.36	86.8%	5.33	4.01	33.1%
Chi phí TC	0.32	0.79	-59.6%	0.39	-18.2%	2.28	1.61	41.6%
Chi phí lãi vay	0	0.05	-100%	0.00		0.05	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	27.0	44.8	-39.8%	8.95	202%	146	124	17.2%
Chi phí QLDN	7.88	9.07	-13.1%	10.9	-27.7%	28.3	38.4	-26.2%
LN thuần từ HĐKD	16.3	12.7	28.7%	1.02	1502%	48.0	26.4	81.9%
Lợi nhuận khác	0.01	0.02	-52.6%	5.03	-99.8%	0.03	16.2	-99.8%
LN trước thuế	16.4	12.7	28.8%	6.05	170%	48.0	42.6	12.8%
Lợi nhuận sau thuế	13.1	10.1	29.5%	4.84	170%	38.4	34.1	12.8%
LNST của CĐ cty mẹ	13.1	10.1	29.5%	4.84	170%	38.4	34.1	12.8%

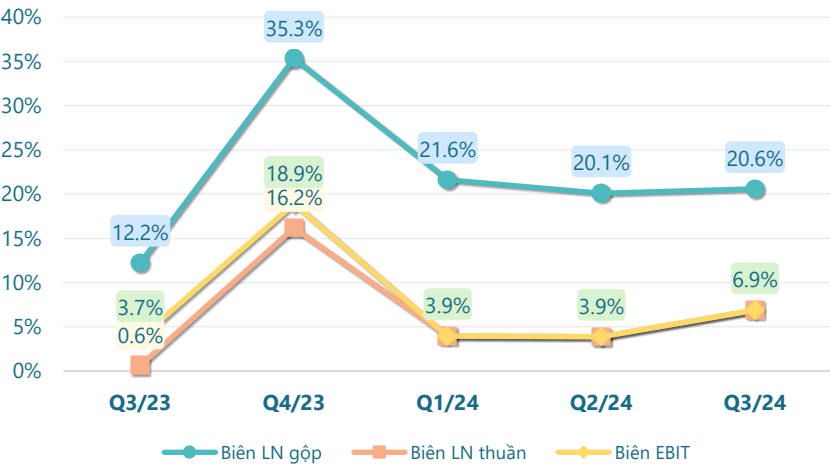
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

